

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2018

*“V/v Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Dương Thị Tú Phương.**
- 2. Bà Ngô Thị Như Ý.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2018/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th** - sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trần Phú Q** - sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày và yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Th xác định chị và anh Q sống chung như vợ chồng khoảng 13 năm, có đăng ký kết hôn. Do chúng tôi sống chung không hợp, đời sống chung không hạnh phúc, nên chị và anh Q đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Hiện

tại chị Th đã không còn tình cảm với anh Q, không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này với anh Q, nên chị Th yêu cầu được ly hôn anh Q.

- Về con: Trong thời gian sống chung chị Th và anh Q có con tên Nguyễn Trung S - sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007, cháu S đang sống chung chị Th, chị Th đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị Th xác định chị Th và anh Q không có tài sản chung và không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Phú Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Q xác định anh và chị Th sống chung như vợ chồng từ năm 2003, có đăng ký kết hôn, anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

- Về con: Trong thời gian sống chung với chị Th, anh Q và chị Th có con tên Nguyễn Trung S - sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007, cháu S đang sống chung chị Th, anh Q đồng ý giao cháu S cho chị Th nuôi khi ly hôn, anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh Q xác định anh và chị Th không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

- Anh Q yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh Q trong vụ án này.

* ***Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác các ý kiến đã trình bày trước đây.

- Bị đơn vắng mặt, không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Không có đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ mới.

* ***Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Phú Q.

- + Về con: Giao cháu Nguyễn Trung S - sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007 cho chị Th trực tiếp nuôi khi ly hôn. Chị Th không yêu cầu anh Q nuôi con, nên

không xem xét giải quyết. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Phú Q sống chung như vợ chồng từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đời sống chung không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Chị Th yêu cầu ly hôn anh Q và anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

- Về con: Trong thời gian chị Th và anh Q sống chung có một người con tên Nguyễn Trung S - sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007, cháu S đang sống chung chị Th. Chị Th đồng ý trực tiếp nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị Th và anh Q xác định vợ chồng anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung, thống nhất không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện chị Th chỉ yêu cầu ly hôn với anh Q, trong quá trình Tòa án làm việc với chị Th và anh Q thì thể hiện chị Th và anh Q có một người con tên Nguyễn Trung S đang sống chung chị Th, nên Hội đồng xét xử điều chỉnh mối quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*".

[3] Chị Th và anh Q có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu của chị Th đối với anh Q:

- Về Hôn nhân: Chị Th và anh Q tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị Th có yêu cầu ly hôn anh Q, anh Q cũng đồng ý ly hôn chị Th, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Phú Q.

- Về con: Trong thời gian chị Th và anh Q sống chung có một người con là cháu Nguyễn Trung S - sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007, cháu S đang sống chung chị Th. Chị Th đồng ý trực tiếp nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Q cũng đồng ý giao con cho chị Th nuôi, nên Hội đồng xét xử giao

cháu S cho chị Th nuôi khi ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu S, không ai được quyền cản trở. Do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản và nợ: Do chị Th và anh Q không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí trong vụ án: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Phú Q.

2. Về quyền nuôi con:

- Giao cháu Nguyễn Trung S - sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi khi ly hôn. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu S, không ai được quyền cản trở.

- Chị Th không yêu cầu anh Q nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Do chị Th và anh Q xác định anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013609 ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, được chuyển thu án phí 300.000đ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang